

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội
huyện Sơn Tây đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND huyện Sơn Tây tại Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 23/3/2011 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 213/SKHĐT ngày 18/4/2011 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tây giai đoạn 2011-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tây giai đoạn năm 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tây phải đặt trong Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và phát triển kinh tế xã hội của các huyện miền núi, với trọng tâm là phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn gắn với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

b) Phát triển huyện Sơn Tây trên cơ sở kết hợp giữa khai thác và phát huy các nguồn lực trong huyện với sự hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh Quảng Ngãi để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và thu hút các nguồn lực bên ngoài. Chủ động,

tranh thủ tận dụng tối đa các lợi thế khi Nhà nước đầu tư các công trình: Đường Trường Sơn Đông, Thủy điện Đắk drinh và công trình thủy điện nhỏ để phát triển các loại hình dịch vụ và du lịch.

c) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực và các lĩnh vực xã hội, đặc biệt là chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

d) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo khai thác hợp lý tiềm năng và điều kiện tự nhiên, có các giải pháp bảo vệ môi trường.

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, ổn định chính trị - xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

a) *Mục tiêu tổng quát:* Phát huy lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng, lực lượng lao động, tích cực chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tạo ra sản xuất hàng hóa từ nông - lâm nghiệp; phát triển công nghiệp, dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững; đưa huyện Sơn Tây sớm thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, từng bước rút ngắn sự chênh lệch trong phát triển kinh tế đối với các huyện khác trong tỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư cơ bản đồng bộ, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao.

b) Các mục tiêu cụ thể

- Phát triển kinh tế

Phần đầu giai đoạn 2011 - 2015 nhịp độ tăng trưởng GTSX trên địa bàn huyện Sơn Tây đạt 14,5%/năm (nếu tính các công trình thủy điện lớn trên địa bàn thì giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng GTSX sẽ đạt 32,6%/năm), trong đó khu vực nông lâm nghiệp tăng 12,5%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng 31,6%/năm, khu vực dịch vụ tăng 15,8%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 nhịp độ tăng trưởng GTSX đạt 13,4%/năm, trong đó khu vực nông lâm nghiệp tăng 8,3%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng 30%/năm, khu vực dịch vụ tăng 17,4%/năm.

Trong cơ cấu GTSX, tỷ trọng của khu vực nông lâm nghiệp giảm xuống còn 70,9% vào năm 2015 và 58,6% vào năm 2020; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng lên 10,6% vào năm 2015 và 20,2% vào năm 2020; tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng lên 18,5% vào năm 2015 và đạt 21,3% vào năm 2020.

Đến năm 2015, thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 4.000 triệu đồng/năm và khoảng 10.000 triệu đồng/năm vào năm 2020.

Giá trị sản xuất bình quân đầu người năm 2015 đạt 16,1 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 33,8 triệu đồng vào năm 2020 (theo giá hiện hành).

- Về văn hoá - xã hội và môi trường

Đến năm 2020, giữ ổn định tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện ở mức 1,28%/năm. Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp xuống còn 80%, tỷ lệ lao động nông thôn qua tập huấn, đào tạo tăng lên 25% vào năm 2015. Tỷ lệ tương

ứng vào năm 2020 là 60% và 35%. Số lao động có việc làm thường xuyên đạt 46,5% vào năm 2020.

Phần đầu đến năm 2015, trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 90%, số em đi học tiểu học đạt 96%, Trung học cơ sở đạt 84%, tăng chỉ tiêu học sinh nội trú đạt từ 70% trở lên. Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo là 92%, số em đi học tiểu học là 98%, Trung học cơ sở đạt 92%.

Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 31% vào năm 2015 và 17,3% vào năm 2020.

Phần đầu 2/9 xã đạt mục tiêu nông thôn mới vào năm 2015; đạt tỷ lệ 100% vào năm 2020.

Phần đầu nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 54% vào năm 2015 và trên 65% vào năm 2020.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới xuống 19% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020 (theo chuẩn 2006 - 2010).

Đảm bảo trước năm 2020, 100% số hộ trong huyện được sử dụng điện sinh hoạt.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh vào khoảng 75% vào năm 2015 và 85 - 90% vào năm 2020.

- Về an ninh quốc phòng

Đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Xây dựng huyện trở thành khu vực phòng thủ vững chắc.

3. Các khâu đột phá

a) Cùng với tỉnh đầu tư nâng cấp mạng lưới kết cấu hạ tầng, bao gồm mạng lưới giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước...

b) Phát triển nông lâm nghiệp làm cơ sở để ổn định kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển công nghiệp chế biến.

c) Đẩy nhanh phát triển công nghiệp, dịch vụ, nhất là các công trình thủy điện nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ. Chú trọng phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản; tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống.

d) Mở rộng không gian huyện lỵ Sơn Tây. Xây dựng kết cấu hạ tầng trung tâm huyện lỵ Sơn Tây đạt đô thị loại V, để thành lập Thị trấn Đăkrinh vào năm 2015 và xây dựng trụ sở làm việc của huyện, bệnh viện, trường học, cơ sở y tế...

4. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) *Nông lâm thủy sản*

- Chú trọng phát triển nông lâm ngư nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng.

- Chuyển dịch cơ cấu nông lâm ngư nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng của lâm

ng nghiệp, giảm tỷ trọng của nông nghiệp; trong nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi.

Phân đầu nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14,3%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,4%/năm, trong đó:

- Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 7,7%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 3,6%/năm.

- Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 26,1%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân 11,2%/năm.

- Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 13,7%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân 14,9%/năm.

** Đối với Nông nghiệp*

Phát triển nông nghiệp theo hướng gắn sản xuất với chế biến, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật.

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm chăn nuôi và dịch vụ, tăng hiệu quả sản xuất.

Đa dạng hóa các loại cây trồng, đặc biệt là gia tăng diện tích lúa nước, các loại đậu, rau...

Khai thác hợp lý thế mạnh về điều kiện tự nhiên để phát triển mô hình chăn nuôi đại gia súc, gia cầm theo hướng nâng cao chất lượng. Phát triển mạnh đàn lợn, bò chất lượng cao. Tiếp tục phục hồi và phát triển đàn gia cầm trong huyện.

Phân đầu nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 3,9%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 2,3%/năm, tương ứng nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi đạt 12,2%/năm và 8,0%/năm.

** Đối với Lâm nghiệp*

Chú trọng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng, nhằm mục tiêu nâng cao độ che phủ rừng tạo điều kiện cho phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác hợp lý tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Phân đầu đến năm 2015, nâng tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 54%, năm 2020 đạt trên 65%.

Tăng cường công tác trồng rừng phòng hộ và trồng rừng sản xuất, phân đầu mỗi năm trồng khoảng 600 - 700 ha rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

Thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng cho nhân dân sản xuất, có kế hoạch khai thác tốt tài nguyên rừng và đất rừng để phục vụ công tác xóa đói giảm nghèo như trồng cây lồ ô, cau, keo, quế...

Phát triển mạnh mô hình nông - lâm kết hợp như trồng cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản, trồng rừng kết hợp với chăn nuôi đại gia súc.

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có nguồn nguyên liệu tại chỗ và thu hút nhiều lao động như ngành chế biến nông - lâm sản, khai thác vật liệu xây dựng... tạo tiền đề ổn định vùng nguyên liệu, thúc đẩy phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn.

Phát triển các cơ sở sản xuất các mặt hàng cơ khí thủ công tại trung tâm xã và trung tâm cụm xã đáp ứng nhu cầu tại chỗ cho người dân trong vùng.

Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp trong công tác giải phóng mặt bằng để thu hút các nhà đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn như: Thủy điện Đăkdrinh (125 MW), Huy Măng, Sơn Tây, Sơn Trà 1, ĐăkBa, Đăkselo. Sau năm 2010, dự kiến hình thành cụm công nghiệp mới gắn với nhà máy thủy điện éakdrinh.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp thị trấn và các cụm công nghiệp làng nghề tại các tiểu vùng kinh tế, tạo ra nhiều việc làm tại chỗ.

Xây dựng các cơ sở chế biến Nông, lâm, thủy sản xã tại các trung tâm cụm xã trên địa bàn huyện.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện đạt trên 31,6%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 30,0%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Nếu tính cả giá trị sản xuất của các công trình thủy điện éakdrinh, Sơn Trà 1 trên địa bàn huyện thì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện đạt trên 109,6%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 12%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

c) Dịch vụ

- Thương mại

Đẩy mạnh phát triển thương mại trên địa bàn huyện. Phát triển hệ thống chợ, đặc biệt là chợ trung tâm của huyện làm hạt nhân để phát triển các chợ trung tâm xã, cụm xã.

Xây dựng mới các chợ xã Sơn Tân, Sơn Mùa; xây dựng các Trung tâm dịch vụ tổng hợp về nông, lâm, ngư nghiệp tại xã Sơn Dung và Sơn Tinh; trong giai đoạn đầu ưu tiên các chợ tại trung tâm cụm xã. Trong giai đoạn sau xây dựng chợ trung tâm huyện và tại các xã còn lại.

Tiếp tục thực hiện chính sách thương mại ưu đãi, tiêu thụ hàng hóa nông, lâm sản và cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân.

Dự kiến tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đến năm 2015 đạt 21,9 tỷ đồng năm 2015 và trên 48,6 tỷ đồng năm 2020. Tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015 đạt 15,8%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 17,4%/năm.

- Du lịch

Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch vui chơi, nghỉ dưỡng trên địa bàn gắn liền với các tuyến du lịch trong tỉnh và trong vùng.

Xây dựng các khu du lịch sinh thái Thác Lụa, Khu du lịch suối Huy Mãng, di tích đền Tà Mực, các khu du lịch gắn với các hồ thủy điện.

- Các dịch vụ khác

Phát triển các dịch vụ phục vụ xây dựng các công trình thủy điện trên địa bàn huyện.

Phát triển toàn diện các dịch vụ công cộng và dịch vụ sản xuất như tài chính, tín dụng, bưu điện, vận tải, dịch vụ ăn uống, dịch vụ sửa chữa đồ gia dụng...

d) Các lĩnh vực xã hội

- Dân số và lao động

Tiếp tục vận động, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và hành động của nhân dân về dân số - kế hoạch hoá gia đình.

Phân đầu trong giai đoạn 2011 - 2015 tạo việc làm mới và giải quyết thêm việc làm cho 300 - 400 lao động mỗi năm, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 550 - 650 lao động mỗi năm.

- Giáo dục, đào tạo

Phân đầu đến năm 2015, có 90% trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo, 96% số em đi học tiểu học, Trung trung học cơ sở đạt 84%, riêng trung tâm đào tạo nghề và trung tâm giáo dục thường xuyên ngày càng huy động nhiều người tham gia học tập, tăng chỉ tiêu học sinh nội trú. Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo là 92%, đi học tiểu học là 98%, Trung trung học cơ sở đạt 92% và nâng cao các loại hình đào tạo khác.

Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng cho giáo dục. Phân đầu trước năm 2015, 100% các phòng học được xây dựng kiên cố, các xã có 100% trung tâm học tập cộng đồng, tiếp tục xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt 10% so với số trường Mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện.

Xây dựng loại hình trường bán trú ở trung tâm các xã, phân đầu tất cả các xã có trường phổ thông cơ sở và trường mầm non bán trú. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục cho các xã vùng sâu, vùng xa, đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa trường học. Xây dựng loại hình trường lớp bán trú cho học sinh để đảm bảo việc ăn ở, học tập cho học sinh xa trường nhằm huy động tối đa học sinh đến trường và nâng cao chất lượng giáo dục.

Phát triển các ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội, coi trọng lao động kỹ thuật, gắn đào tạo với sử dụng, ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là đồng bào dân tộc. Trong đào tạo nghề ưu tiên đào tạo các ngành nghề phù hợp với yêu cầu phát triển của cộng đồng, coi trọng lao động kỹ thuật để phát triển bền vững.

- Y tế

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh cho nhân dân, tăng cường đội ngũ cán bộ y tế xuống trạm y tế xã. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Trung tâm y tế huyện

Sơn Tây, tăng cường mạng lưới y tế cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là y tế thôn bản. Nâng cấp, xây dựng mới các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia. Phần đầu đến năm 2015, 100% các trạm y tế xã có bác sỹ, đạt 9,2 bác sỹ/vạn dân.

Triển khai thực hiện tốt các chương trình phòng chống dịch bệnh cho nhân dân, công tác tiêm chủng cho trẻ em. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân, thực hiện phong trào kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em. Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 31% vào năm 2015 và dưới 17,3% vào năm 2020.

- Văn hoá thông tin - Thể dục thể thao

Bảo tồn và phát triển đa dạng hóa nền văn hóa của các dân tộc trong huyện, hướng các lễ hội truyền thống của các dân tộc vào các hoạt động lành mạnh làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của người dân.

Đẩy mạnh và củng cố các hoạt động văn hóa truyền thống, gắn các hoạt động này với các chương trình phát triển văn hóa xã hội, các chương trình tuyên truyền giáo dục thường xuyên.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá từ huyện đến cơ sở. Xây dựng mới Nhà văn hoá (khu sinh hoạt văn hoá) thiếu nhi huyện, công viên trung tâm huyện; quảng trường, di tích lịch sử và tượng đài chiến thắng; các nhà văn hoá xã, các điểm sinh hoạt văn hoá tại các thôn.

Nâng cao chất lượng tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến người dân, phát huy và vận dụng có hiệu quả các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, ngăn chặn và kiên quyết không cho các loại hình văn hóa không lành mạnh xâm nhập vào địa bàn.

Xây dựng hệ thống truyền thanh đến các xã, phần đầu đến năm 2020 100% hộ dân được xem truyền hình.

Từng bước đưa phong trào thể dục thể thao phát triển toàn diện, sâu rộng đến các xã và đến tận khu dân cư. Xây dựng sân vận động liên hợp và nhà thi đấu đa năng huyện. Phần đầu mỗi xã trong huyện đều có cơ sở thể thao đáp ứng các nhu cầu cơ bản như: sân luyện tập và vui chơi các môn thể thao phục vụ cho nhu cầu tập luyện ngày càng tăng của nhân dân.

- Công tác giảm nghèo và các chính sách xã hội khác

** Công tác giảm nghèo*

Tập trung vào việc lập dự án giảm nghèo có sự tham gia của người dân. Nâng cao nhận thức của xã hội và năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo

Phối hợp lồng ghép các chương trình, các dự án đầu tư cho công tác giảm nghèo. Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập thông qua cung cấp tín dụng ưu đãi cho các hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu về vốn để phát triển

sản xuất kinh doanh. Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội như hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở...

Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng thiết yếu cho sản xuất và đời sống phải đi đôi với cho vay vốn phát triển sản xuất, cung cấp dịch vụ và chuyển giao công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm nâng cao năng lực và đào tạo nghề cho người lao động.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn 2006 - 2010 xuống 19% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020 .

** Chính sách với người có công, các đối tượng đặc biệt khó khăn*

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công, đảm bảo cuộc sống vật chất, tinh thần gia đình người có công bằng hoặc cao hơn mức trung bình của nơi cư trú. Bảo đảm trợ cấp xã hội, cứu tế đột xuất cho các đối tượng đặc biệt khó khăn.

e) Kết cấu hạ tầng

- Mạng lưới giao thông

+ Đối với tuyến đường tỉnh: Nâng cấp đường tỉnh lộ 623 (đoạn qua huyện Sơn Tây) dài 15km, đạt tiêu chuẩn cấp IV.

+ Đối với các tuyến đường huyện (liên xã): Nâng cấp láng nhựa đạt tiêu chuẩn cấp 5 các tuyến: đường Sơn Mùa - Sơn Liên (dài 12 km); Sơn Mùa - Sơn Tinh (đoạn đỉnh RaVách - dốc Ông Đường) (dài 10km); Ngã ba Ngọc Tem - Sơn Lập (dài 12km); đường ĐH 85 TT huyện - khu du lịch Huy Mãng (dài 2km); đường ĐH 86B huyện Đội - Đăk Lang (dài 8,8 km); đường ĐH 83B UBND xã Sơn Tinh - Sơn Thượng (dài 7 km). Xây dựng mới, láng nhựa đạt cấp V các tuyến đường Sơn Liên - Sơn Bua (dài 10km); Sơn Mùa - Sơn Long (dài 12 km); TT cụm xã Sơn Mùa (dài 7 km); đường Sơn Long - Đăknên (dài 15km); đường Trung tâm Y tế - Gò lã (4 km); Trung tâm huyện (Thị trấn) - Sơn Tân (dài 10 km); đường nội vùng Trung tâm Thị trấn (dài 10 km). Các tuyến đường huyện khác: Giai đoạn sau năm 2015 đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt cấp IV, cấp V, 100% mặt đường được cứng hóa hoặc nhựa hóa.

+ Đối với các tuyến đường liên thôn, xóm: Đến năm 2020: Nâng cấp 100% các tuyến, một số tuyến quan trọng đạt cấp VI, đảm bảo mặt đường được nâng cấp lòng nhựa, bê tông xi măng. Xây dựng mới một số tuyến đường tại các xã như sau: *Xã Sơn Tân*: Tuyến đường kinh tế Trung tâm xã - Mang Rột Thôn Ra Nhua (dài 4km); xóm Kamang - Mang Gênh Thôn Ra Nhua (dài 3km); xóm Nước Vương - Nước Chay Thôn Tà Đô (dài 1,5km). *Xã Sơn Mùa*: Tuyến đường Trung tâm xã Sơn Mùa - Apao thôn Tà Vinh (dài 8km); Trung tâm xã Sơn Mùa - Nang Ông Thôn Hà Lên (dài 3km); xóm Ông Xanh - cánh đồng suối Nhe thôn Tà Vinh (dài 3km); xóm Ông Xanh - xóm Ông Võ, thôn Tà Vinh (dài 1,5km); xóm Tà Un - cánh đồng IRất thôn Tà Vinh (dài 2km). *Xã Sơn Tinh*: Tuyến đường xóm Ông Diêm - xóm Ông Tư thôn Xà Ruông (dài 1,3km); xóm Ông Lâm - xóm Ông Veo thôn Ka Năng (dài 1km); Cà Ong - rừng JIBIC thôn nước Kiả (dài 2km); xóm Ông Đường - xóm Ông Thơ thôn nước Kiả (dài 1km). *Xã Sơn Lập*: Tuyến đường xóm Ông Loan - nước Beo thôn Mang Trỷ (dài

2,3km); Kleng - nước Bu Thôn Mang Trảy (dài 2,02km); xóm Ông Ban - xóm Ông Quỳnh thôn Mang Trảy (dài 1,5km). *Xã Sơn Dung*: Tuyến đường Gò Lã - TuBaRoi (dài 3km); Gò Lã - Tà Mực (dài 3km); Măng Cảnh - MăngĐumLet (dài 3km); Đất Sút - Hà Tăng (dài 3km); Ra Lung - Ra Manh (dài 2km); Tang Gân - Đăk Trên (dài 4km); Ka Xim - Măng Ri (dài 2km); Đăk Trên - sông Đăkdrinh (dài 2km); nhà văn hóa - xóm Ông Thang (dài 800m). *Xã Sơn Long*: Tuyến đường Alo - Đak Ri (dài 2km); Huy Dôi - xóm Ông Điềm (dài 5km); xóm Ông Đông - Mang Xoài (dài 1,5km); Mang Hinh - xóm Ông Đình (dài 2km); xóm Ông Đông - Ra Lăng (dài 2km); A lố - nước Tinh (dài 2km). *Xã Sơn Mùa*: Tuyến đường Tu Ka Khô - TĐ17 Tu La (dài 3km), xóm Ông Đó - Ông Nhút (dài 2km), xóm Ông Lên - nước Ra Nang (dài 3km) TĐ1 - núi Rả (dài 3km) và TĐ5 - Ngọc Rét (dài 3km) thôn Huy Em; Xóm Ông Chân - xóm Ông Nhút (dài 2km), điểm đầu TĐ4 - Goi Ha Gân (dài 2km) thôn nước Min; TĐ8 - Mang Vang thôn Tu La (dài 3km). *Xã Sơn Liên*: Tuyến đường xóm Ông Cô KDC số 5 - xóm Ông Tâm KDC số 1 (dài 3km), KDC số 5 - xóm Ông Đay KDC số 1 (dài 4km), Mang Krin - xóm Ông Đường KDC số 8 - xóm Ông Dưa KDC số 8 (dài 6km) thôn Mang He; xóm Ông Lập KDC số 4 - xóm Ông Miêng Thôn (dài 1,3km). *Xã Sơn Bua*: Tuyến đường Mang He - Mang Tà Bể (dài 6 km), đường Mang He - Nước Tang (dài 4 km).

- Cấp điện

Xây dựng công trình thủy điện Đăkdrinh (125 MW), Đăk Ba, Sơn Tây, Sơn Trà 1, Huy Mang theo quy hoạch vừa cung cấp điện cho sinh hoạt, vừa bổ sung nguồn cấp nước cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, làm tiền đề phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Nghiên cứu, lắp đặt hệ thống cấp điện bằng pin mặt trời cho một số thôn.

Xây dựng mạng lưới điện kết nối các công trình thủy điện lớn trên địa bàn huyện với mạng lưới truyền tải điện quốc gia.

Xây dựng đường điện tuyến Sơn Mùa - Sơn Liên và mạng lưới điện quốc gia đến các vùng. Cải tạo, nâng cấp mạng lưới điện phân phối. Đảm bảo trước năm 2020, 100% số hộ trong huyện được sử dụng điện sinh hoạt.

- Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin

** Bưu chính*

Phát triển ngành bưu chính theo hướng cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa mạng lưới phục vụ đến gần hơn với khách hàng, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại.

Hoàn thiện hệ thống bưu cục tại các trung tâm xã, cụm xã. Đến năm 2015, toàn huyện có 01 bưu cục, 8 điểm phục vụ bưu chính và mở rộng các điểm phục vụ bưu chính tại các xã.

Xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của các điểm bưu điện văn hoá xã.

Phát triển thêm các dịch vụ mới như dịch vụ trả lương hưu, dịch vụ thanh toán, dịch vụ nhờ thu, phát cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ, dịch vụ đại lý viễn

thông; các dịch vụ bưu chính lai ghép (E-post), Data - post...

** Viễn thông*

Từng bước xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, hình thành mạng lưới có chất lượng dịch vụ cao, cung cấp đa dịch vụ và hoạt động có hiệu quả.

Xây dựng, mở rộng các tuyến cáp quang kết nối các xã/thị trấn của huyện

- Công nghệ thông tin

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin trong mọi mặt đời sống xã hội.

Triển khai kết nối Internet băng thông rộng đến các xã/thị trấn; đảm bảo các xã/thị trấn được trang bị máy tính, mạng LAN.

Nghiên cứu, triển khai ứng dụng đồng bộ các phần mềm có hiệu quả cho tất cả phòng, ban của huyện. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo, y tế, sản xuất kinh doanh và nâng cao dân trí, đời sống văn hóa cộng đồng.

- Thủy lợi và cấp nước

Phấn đấu xây dựng mạng lưới kênh mương thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản hoàn chỉnh đến năm 2020. Xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, đến năm 2015 tổng diện tích lúa nước 02 vụ chủ động nguồn nước tưới lên 1.500 ha.

Chương trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng giai đoạn sau năm 2015 gồm 73 công trình, tổng chiều dài kiên cố hóa kênh mương là 9,45 km, phục vụ tưới mở rộng cho 38 ha lúa 02 vụ. Trong đó:

+ Kiên cố hóa từ các đập XDCB: 08 công trình đó là Đập dâng nước Min (xã Sơn Mùa), Xà Ruông (xã Sơn Tinh), Tà Ngòm (xã Sơn Lập), Ka Lót, Nước Chót (xã Sơn Bua), Tà Vay (xã Sơn Dung), Tà Vôi, Mang Tu La (xã Sơn Mùa). Với tổng chiều dài tuyến kênh kiên cố hóa ước 4,35 km, phục vụ tưới mở rộng cho 55 ha lúa 02 vụ.

+ Kiên cố hóa kênh mương cho các đập tạm có cánh đồng diện tích nhỏ từ 4-5 ha là 06 công trình (đồng Mậu Bình, Nước Reo - Sơn Mùa; đồng Nước Tang, Mang Cân - Sơn Bua; đồng Mang Y Râm - Sơn Tân; Đồng Nước Ra - Sơn Tinh). Tổng chiều dài tuyến kênh ước tính là 51,5 km, phục vụ tưới mở rộng cho 08 ha lúa 02 vụ.

- Trong giai đoạn 2011 - 2015:

+ Xây dựng bờ kè 2 sông Rinh.

+ Xây dựng kè chống sạt lở suối Huy Mãng.

+ Xây dựng kè suối Nước Lát - Sơn Mùa.

+ Xây dựng đập dâng sông Rinh.

+ Xây dựng các đập thủy lợi nhỏ, quy mô tưới 7 - 35 ha: đập Nước Be, Nước Màu, Tà Đô (Sơn Tân); Tà Vây, Nước Trầy (Sơn Lập); Tà Com (Sơn Tinh); Nước Toa, Nước He (Sơn Bua); Tầng Bơ, Huy Em, Nước Reo (Sơn Mùa); Mang Cân, Nước Ri (Sơn Dung)...

Gắn việc xây dựng các đập chứa nước và các công trình thủy lợi với việc xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung cho nhân dân khu vực nông thôn.

- Cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường

Xây dựng hệ thống cấp nước tại các xã. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khoảng 75%, đến năm 2020 là 85 - 90%.

Cùng với việc xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho sinh hoạt, đầu tư xây dựng hệ thống mương, rãnh thoát nước, trạm thu, xử lý nước và cấp nước tự chảy ở khu vực trung tâm huyện và các khu vực tập trung dân cư.

Kiểm soát, thu gom rác thải; quy hoạch, xây dựng hệ thống bãi xử lý rác thải, bãi chôn rác ở các xã.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân phòng ngừa và xử lý kịp thời những khu vực bị ô nhiễm môi trường. Thành lập doanh nghiệp quản lý môi trường đô thị để quản lý môi trường xanh - sạch - đẹp cho khu vực thị trấn trong tương lai.

f) Phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh

Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội lâu dài và qua đó củng cố vững chắc quốc phòng.

Thực hiện tốt chính sách quốc phòng toàn dân, củng cố tăng cường lực lượng dân quân, tự vệ ở các xã, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp..., ứng phó kịp thời mọi tình huống xảy ra, không bị động. Bố trí kinh tế gắn với quốc phòng để hỗ trợ lẫn nhau. Xây dựng huyện trở thành khu vực phòng thủ vững chắc.

5. Phương hướng phát triển theo lãnh thổ

a) Phát triển theo các tiểu vùng

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Sơn Tây theo các tiểu vùng kinh tế chính như sau:

- Trung tâm cụm xã Sơn Mùa, Trung tâm cụm xã Sơn Tinh: Chú trọng phát triển cây lương thực và cây ăn quả, kết hợp với việc phát triển vườn rừng, cơ cấu cây trồng ngoài các loại cây truyền thống như: Cau, quế... cần cơ cấu các loại cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao như: keo, xà cừ ...

- Tiểu vùng kinh tế T3 (Sơn Bua): Trước mắt giải quyết vấn đề lương thực bằng cách trồng các cây trồng ngắn ngày, về lâu dài phát triển vùng trồng hoa chuyên canh, cây công nghiệp và cây rừng như: Keo, xà cừ...

- Tiểu vùng kinh tế Mang Trầy (Sơn Lập): Do đặc thù của vùng độ dốc cao, đất

sản xuất ít, khó khăn về nguồn nước do vậy hướng phát triển kinh tế tại khu vực này là chú trọng phát triển kinh tế vườn trên cơ sở sản xuất lương thực tại chỗ, cơ cấu gồm các cây ăn quả như cam, quýt...phát triển nuôi bò, heo, gia cầm; vườn rừng, trồng cây đem lại hiệu quả kinh tế cao như : Keo, xà cừ,...

b) Phát triển đô thị

Xây dựng đô thị Sơn Tây có bản sắc riêng của một thị trấn vùng cao, từng bước hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng để đạt tiêu chuẩn đô thị loại V vào năm 2015 và trở thành lãnh thổ động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm tiếp theo.

Tổ chức khu trung tâm với các công trình công cộng hành chính, kết hợp với các công viên cây xanh, mặt nước xung quanh, giữ vai trò làm điểm nhấn cảnh quan cho đô thị.

Các công trình giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ, khu vui chơi, thể dục thể thao... bố trí phân tán, đảm bảo bán kính phục vụ, hình thức kiến trúc phù hợp với đặc trưng đô thị miền núi và cảnh quan chung trong khu vực.

Các khu dân cư bố trí rải rác, bám theo các trục giao thông; hình thức kiến trúc phù hợp với phong tục tập quán của người dân địa phương.

Các khu vực triển đồi, sườn dốc không bố trí công trình, được trồng cây xanh nhằm chống xói mòn, sạt lở, đồng thời góp phần vào cảnh quan chung của đô thị.

Hướng bố trí thị trấn và phát triển mở rộng:

- *Khu vực Đồng Bà Cầu, xã Sơn Dung*: Từ dưới dốc huyện đội chạy dài theo trục Bắc - Nam chiều dài khoảng 1,4 km. Chiều ngang từ sườn đồi phía Nam qua cánh đồng bà Cầu đến khoảng đồi thấp phía Tây. Diện tích đất tự nhiên khoảng 18 ha.

- *Khu vực thôn Huy Em, xã Sơn Mùa*: Phía Nam giáp với sông Rin theo tuyến đường vào trung tâm cụm xã Sơn Mùa, chiều dài khoảng 1 km, phía Bắc giáp với thôn Nước Min. Chiều ngang theo hướng Đông - Tây dài khoảng 1,2 km, với tuyến đường nối liền với khu vực đập thủy điện Đakdrinh. Diện tích đất tự nhiên khoảng 30 ha.

- *Khu vực thôn Nước Min, xã Sơn Mùa*: Là khu vực trung tâm cụm xã Sơn Mùa đã được quy hoạch thành trung tâm cụm xã. Khu vực này có địa hình bằng phẳng, nhiều ruộng bậc thang, có hình vòng cung nên tạo ra địa thế đẹp, không gian thông thoáng. Diện tích tự nhiên khoảng 60 ha.

c) Phát triển nông thôn

Xây dựng mạng lưới các điểm dân cư nông thôn dựa trên quan điểm bố trí hợp lý giữa sản xuất và bảo đảm an ninh quốc phòng, dựa trên những yếu tố thuận lợi về cơ sở hạ tầng, nguồn nước và địa bàn sản xuất (điện, đường, trường, trạm...), đảm bảo tiêu chí nông thôn mới theo quy định của Chính phủ. Chú trọng tới những phong tục tập quán sinh hoạt của đồng bào.

Bố trí đất ở vào những diện tích kém hiệu quả, hoang hóa, hạn chế sử dụng đất lúa vào phát triển nhà ở.

Đối với những điểm dân cư nông thôn đang tồn tại ổn định lâu dài khi quy hoạch xây dựng phải bố trí cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng.

Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn các gia đình xây dựng nhà ở, công trình phục vụ phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Xây dựng trung tâm các xã bao gồm trụ sở làm việc, trường tiểu học, Trường trung học cơ sở, mầm non, nhà trẻ, trạm y tế, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, đài truyền thanh, chợ...

Huy động các nguồn lực của xã hội vào xây dựng trung tâm cụm xã, trung tâm xã.

6. Các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về vốn đầu tư

Để thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu phát triển đã đề ra, tổng nhu cầu vốn đầu tư (tính theo giá hiện hành) huyện Sơn Tây giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 3.800 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 8.140 tỷ đồng.

Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư như trên cần phải có hệ thống biện pháp huy động vốn một cách tích cực, tập trung vào các nguồn vốn chủ yếu sau:

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước:

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tập trung cho cho các công trình hạ tầng quan trọng, các công trình trọng điểm như giao thông, thủy lợi và công trình phúc lợi như trạm y tế, trường học, công viên, hệ thống công sở...

Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trên địa bàn huyện trên cơ sở tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển. Đề nghị Trung ương và Tỉnh đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng lớn của mạng lưới giao thông, thủy lợi, trường học, hệ thống công sở..., bao gồm cả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại của các Tổ chức phi chính phủ (NGO).

Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu trên địa bàn huyện như chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo, các chương trình 167, 135 và 30a

- Đối với nguồn vốn từ khu vực doanh nghiệp, dân cư và từ bên ngoài:

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các công trình thủy điện lớn trên địa bàn huyện, đồng thời tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư các khu du lịch, các cơ sở dịch vụ.

Xây dựng hạ tầng các cụm làng nghề và thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh, mở mang các nghề mới.

Thực hiện xã hội hóa có chọn lọc các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục - thể thao...

b) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Coi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là khâu đột phá, vấn đề then chốt để phát triển nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện trong giai đoạn tới.

- Huyện tạo mọi điều kiện để thu hút, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và phát huy phương tiện cơ sở vật chất hiện có trên địa bàn.

- Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cho nhân dân, đặc biệt các thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại... để nhân dân có điều kiện nâng cao trình độ.

- Xây dựng chương trình giáo dục cho huyện để thực hiện phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí. Đầu tư tương xứng cho giáo dục - đào tạo. Nâng tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo.

- Xây dựng đề án việc làm, đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề trên địa bàn huyện, phối hợp với các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề của Tỉnh để mở các khoá đào tạo tại chỗ cho lao động của huyện. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề cho tầng lớp thanh niên và người lao động đặc biệt là đối tượng thuộc đồng bào dân tộc ít người.

- Có chính sách thu hút, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học - kỹ thuật, các nhà doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

c) Giải pháp về khoa học công nghệ, môi trường

Cần có sự liên doanh, liên kết chặt chẽ thường xuyên giữa huyện với các cơ quan khoa học của tỉnh và Trung ương trong việc chuyển giao, ứng dụng những thành tựu tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mà huyện không có điều kiện thực hiện. Có các cơ chế khuyến khích ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học - kỹ thuật và tin học vào sản xuất và các lĩnh vực khác như: quản lý, điều hành...

Đẩy mạnh ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cho năng suất cao, trong kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến nông lâm sản.

Củng cố và mở rộng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm đến tận các thôn, xã. Thực hiện có hiệu quả các chương trình khuyến nông, khuyến lâm cho khu vực nông thôn. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, chuyển giao công nghệ đặc biệt là đưa các tiên bộ khoa học - kỹ thuật mới, những kỹ thuật, công nghệ sinh học tới các hộ nông dân để họ có thể tiếp nhận, thực nghiệm và áp dụng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh và đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật ở các địa bàn cơ sở, chú trọng đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho tầng lớp thanh niên - là lực lượng lao động, trẻ khoẻ có khả năng nắm bắt nhanh nhạy các kỹ thuật công nghệ mới.

Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cho nhân dân,

đặc biệt các thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại.

Xây dựng các mô hình trình diễn việc áp dụng KHKT trong sản xuất đối với đồng bào dân tộc ít người như mô hình trình diễn nông nghiệp, lâm nghiệp, kỹ thuật chăn nuôi...

d) Phối hợp với các địa phương trong tỉnh và vùng

Phối hợp với các huyện trong tỉnh và lân cận trong xây dựng các tuyến đường giao thông (đường Trường Sơn Đông, đường tỉnh 623, các tuyến đường liên huyện...), hình thành các tuyến du lịch, xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi quy mô lớn, các công trình kết cấu hạ tầng khác (khu xử lý chất thải, hệ thống cấp nước...).

Phối hợp với các ngành của tỉnh để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác phát triển, trong xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư của tỉnh trên địa bàn huyện và trong xây dựng các cơ chế, chính sách cho huyện.

e) Tổ chức thực hiện quy hoạch

Công khai hóa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, triển khai, cụ thể hóa quy hoạch qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chi tiết khác. Giám sát và quản lý tốt việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch.

Điều 2. Căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tây giai đoạn năm 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đã được phê duyệt, Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây, thủ trưởng các sở, ban, ngành với phạm vi trách nhiệm được giao, tổ chức và chỉ đạo việc triển khai thực hiện quy hoạch này trong các kế hoạch 5 năm, hàng năm và các dự án phát triển cụ thể, bảo đảm thực hiện tốt các định hướng và mục tiêu quy hoạch đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây và Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

*(Kèm theo Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 31/5/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
I	Dự án do tỉnh đầu tư
I.1	<i>Nguồn vốn Trung ương và tỉnh</i>
1	Tuyến đường Cầu Sơn Mùa - ngã ba Sơn Mùa
2	Tuyến đường Sơn Tân - Sơn Tinh
3	Tuyến đường Ngọc Tem - Sơn Lập
4	Tuyến đường Thôn Huy Em - nước Vương (Sơn Mùa - Sơn Liên)
5	Tuyến đường: Huyện đội - Đăk Lang - Rapan Sơn Dung
6	Tuyến đường: UBND xã Sơn Tinh - Thôn Nước Kia
7	Tuyến đường Nước Màu - Sơn Dung
8	Tuyến Trung tâm huyện (Thị trấn) - Sơn Tân
9	Xây dựng bờ kè sông Rinh
10	Bờ kè chống sạt lở suối Huy Măng
11	Xây dựng bờ kè suối Nước Lát
12	Xây dựng đập dâng sông Rinh
13	Bệnh viện huyện
14	Trung tâm Y tế dự phòng huyện
I.2	<i>Nguồn vốn ngân sách tỉnh</i>
1	Cầu Tà Đô
2	Đường điện tuyến Sơn Mùa - Sơn Liên
3	Đường điện tuyến Sơn Tân - Sơn Màu
4	Xây dựng các công trình nước sinh hoạt tại các xã
5	Cụm Trung tâm công nghiệp làng nghề
6	Nhà thi đấu đa năng
II	Dự án do huyện đầu tư
1	Tuyến đường nội vùng Thị trấn Đăk Rinh
2	Tuyến đường Trung tâm huyện - khu du lịch suối Huy Măng
3	Tuyến đường UBND xã Sơn Tinh - khu du lịch Thác Lụa
4	Xây dựng các cơ sở chế biến nông, lâm
5	Xây dựng mới các đập thủy lợi quy mô nhỏ
6	Duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi
7	Hỗ trợ ống dẫn nước và đập tạm
8	Duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt hiện có
9	Xây Dựng các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản xã

10	Chợ huyện
11	Chợ các xã
12	Trung tâm dịch vụ tổng hợp về nông, lâm
13	Di tích đền Tà Mực
14	Trường PTCS bán trú
15	Trường Mầm non bán trú
16	Trạm Y tế các xã
17	Phòng khám khu vực
18	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng
19	Nhà văn hóa các xã
20	Khu sinh hoạt văn hóa thiếu nhi
21	Xây dựng đài truyền thanh các xã
22	Nâng cấp đài truyền thanh phát lại truyền hình huyện
23	Sân vận động huyện
24	Nhà thi đấu đa năng huyện
25	Đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính huyện Sơn Tây
26	Nâng cấp Trụ sở làm việc UBND các xã
27	Xây dựng Trung tâm cụm xã
28	Công viên Trung tâm huyện
29	Xây dựng Quảng trường và Đài chiến tích Sơn Tây
III	Các dự án kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư
1	Thủy điện Đăk drinh
2	Thủy điện Đăk Ba
3	Thủy điện Sơn Tây
4	Thủy điện Sơn Trà 1
5	Khu du lịch sinh thái Thác Lụa
6	Khu du lịch Huy Mãng